

Số: **66/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 22 - 6 - 2021

(V/v: Ly hôn, giao quyền nuôi con).

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Xuân Đàm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Lý và bà Hồ Thị Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Viết Tiếp, thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2020 về việc “xin ly hôn và giao quyền trực tiếp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố T1, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt;

**- Bị đơn:** Chị Cao Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Tổ dân phố T1, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (hiện chị T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Bình Điền) vắng mặt - Chị T đã có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

Theo anh Trần Ngọc H (nguyên đơn) trình bày: Anh H và chị T trên cơ sở yêu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền năm 2008. Do tính cách hai người không hợp nhau nên vợ chồng đã thuận tình ly hôn vào năm 2012.

Đến năm 2014, anh H và chị T trở lại đoàn tụ vợ chồng và đã đăng ký kết hôn lần 2 tại UBND thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền theo giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 08/12/2014. Sau khi kết hôn lần 2, vợ chồng cùng sống chung với bố mẹ anh H tại km 23, thị trấn Phong Điền. Anh H làm nghề lái xe, chị T cùng bán quán cơm với mẹ chồng.

Cuộc sống, tình cảm vợ chồng tạm ổn được hơn một năm thì chị T tự ý không bán cơm với mẹ nữa và vợ chồng ra ở riêng tại nhà củ của bố mẹ chồng ở tổ dân phố T1, thị trấn Phong Điền. Khi ra ở riêng, anh H có trao đổi với chị T nên đi làm công nhân để có thu nhập ổn định nhưng chị T không đồng ý. Sau đó chị T tự mở quán cơm tại nhà nhưng không có khách nên nghỉ bán. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt và hai người bỏ mặc không quan tâm đến nhau nữa.

Từ khi nghỉ bán, chị T ở nhà nội trợ và đưa đón con đi học. Đến năm 2019, chị T đã nhiều lần chở cháu Trần Ngọc Tiến Đ (là con mới 12 tuổi) đi học rồi xúi dục cháu Đ trộm cắp tài sản nhiều lần của các quán tạp hóa ở huyện Phong Điền nên cơ quan chức năng xử phạt chị T 15 tháng tù. Ngoài ra, chị T còn đưa cháu Đ vào bệnh viện Trung Ương Huế (cơ sở 1) để trộm cắp tài sản và bị cơ quan chức năng xử phạt tù. Hiện nay, chị T đang chấp hành hình phạt tù của hai bản án tại Trại giam Bình Điền.

Do tính cách, suy nghĩ và lối sống của chị T quá khác người, đặc biệt là việc chị T xúi dục con, dạy giỗ con trái với đạo đức xã hội và trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, anh H không chấp nhận sống chung với chị T nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn.

Về con chung, anh H trình bày: Vợ chồng có 04 người con, gồm: Trần Ngọc Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2008; Trần Ngọc Mỹ H1, sinh ngày 24/8/2012; Trần H2, sinh ngày 29/7/2016 và Trần Tiến D, sinh ngày 13/5/2019 (các con hiện ở với bố). Anh H yêu cầu được quyền nuôi cả 04 con đến trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản, nợ chung: Anh H xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến bị đơn: Chị T xác nhận vợ chồng đã ly hôn năm 2012 và kết hôn lại lần 2 vào năm 2014; vợ chồng đã có 04 con chung như anh H đã trình bày.

- Về tình cảm: Chị T xác nhận do tính cách không hợp nhau nên thường xảy ra cãi vã bất đồng, nhưng vì còn yêu thương anh H nên chị T không đồng ý ly hôn. Đợi khi nào hết hạn tù thì vợ chồng sẽ bàn bạc giải quyết sau.

- Về con chung: Chị T cho rằng vì chị không đồng ý ly hôn nên chị không đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng và chị T cũng không yêu cầu giải quyết về việc giao quyền trực tiếp nuôi con.

- Về nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Chị T xác nhận anh H trình bày là không đúng vì vợ chồng có tài sản chung là căn nhà mà vợ chồng đang ở và một số tài sản khác, nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau. Hiện tại chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản. Sau khi chấp hành xong án phạt tù, nếu cần chị sẽ khởi kiện sau.

Tại phiên hòa giải ngày 16/3/2021, Tòa án đã phân tích, giải thích và hòa giải nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Tòa án cũng thông báo cho chị T biết khoảng một tháng nữa sẽ mở phiên tòa để xét xử vụ án, đồng thời hỏi ý kiến của chị T về việc tham gia phiên tòa ?

Ý kiến của chị T: “Yêu cầu Tòa án đợi khi nào hết hạn tù mới đưa vụ án ra xét xử”.

Đến ngày 15/4/2021, Tòa án tiến hành làm việc với Ban giám thị trại giam Bình Điền để chuẩn bị cho việc mở phiên tòa thì chị T đã đề nghị cán bộ quản lý phòng giam xin được gặp cán bộ Tòa án để trình bày ý kiến và được cán bộ trại giam chấp nhận. Tại biên bản ghi ý kiến của chị T ngày 15/4/2021, chị T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong bản tự khai và trong biên bản hòa giải.

Về việc tham gia phiên tòa thì chị T xin phép được vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị T. Đồng thời chị T khẳng định “chị xin phép vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc”.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt; Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị T và yêu cầu được quyền nuôi cả 04 con chung; Các vấn đề khác anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: - Đối với Hội đồng xét xử, Thẩm phán và thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có thiếu sót gì cần kiến nghị khắc phục.

- Đối với các đương sự: Đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và đã có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét mâu thuẫn của vợ chồng anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, đặc biệt là việc chị T đã nhiều lần xúi dục con (chỉ mới 12 tuổi) và cùng với con đi trộm cắp tài sản là không thể chấp nhận được.

Về con chung: Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế thì chị T đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện để nuôi con. Nên cần giao các con cho anh H nuôi dưỡng; Nếu sau này, các đương sự muốn thay đổi thì làm đơn yêu cầu và được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Các vấn đề khác đương sự không có yêu cầu nên không xét. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra thẩm vấn công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Ngọc H và chị Cao Thị T được UBND thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp; Vì vậy, anh H có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, chị T có hộ khẩu thường trú tại huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế nên việc Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý yêu cầu khởi kiện của anh H là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chị T là bị đơn có yêu cầu “khi nào chị T chấp hành xong án phạt tù thì mới đưa vụ án ra xét xử” là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ pháp luật không quy định “hạn chế việc nguyên đơn kiện ly hôn đối với bị đơn là người đang chấp hành án phạt tù”.

Mặt khác, chị T đã có yêu cầu “xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: anh H xin ly hôn với chị T vì tính cách, suy nghĩ của hai người không hợp nhau, đặc biệt là việc chị T không có trách nhiệm đối với tương lai của con, đã xúi dục con mới 12 tuổi làm những việc trái pháp luật và trái đạo đức xã hội là không thể chấp nhận được.

Tuy vậy, Hội đồng xét xử vẫn thuyết phục khuyên can nhưng anh H vẫn cương quyết xin ly hôn. Qua đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh H yêu cầu được ly hôn với chị T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh H và chị T cùng xác nhận vợ chồng có 04 con hiện đang ở với bố và ông bà nội. Theo Luật định thì cả bố và mẹ đều có quyền nuôi con ngang nhau sau ly hôn. Tuy nhiên, để giao con cho bên nào nuôi phải căn cứ vào nhu cầu của con; Điều kiện, khả năng của mỗi bên có đảm bảo quyền lợi của con được phát triển về mọi mặt, kể cả trước mắt và lâu dài hay không.

Xét thấy, Chị T trước khi vào trại giam không có công việc ổn định, hiện tại, chị cũng không có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh H là giao cả 04 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến trưởng thành. Nếu sau này, các đương sự muốn thay đổi thì làm đơn yêu cầu và được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu nên Hội đồng không xét.

Về nợ chung: Các đương sự cùng xác nhận không có nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh H xác nhận không có nên yêu cầu; Chị T xác nhận là “vợ chồng có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết”. Nếu sau này cần thì chị T sẽ khởi kiện sau. Vì vậy Hội đồng không xét.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Trần Ngọc H với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc H được ly hôn với chị Cao Thị T;
2. Về con chung: Giao cho anh Trần Ngọc H quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả 04 con chung (hiện đang ở với bố) kể từ ngày tuyên án đến khi mỗi con đủ 18 tuổi, các con gồm: Trần Ngọc Tiến Đ, sinh ngày 21/10/2008; Trần Ngọc Mỹ H1, sinh ngày 24/8/2012; Trần H2, sinh ngày 29/7/2016 và Trần Tiến D, sinh ngày 13/5/2019.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Nếu sau này, các đương sự muốn thay đổi người trực tiếp nuôi con thì làm đơn yêu cầu và được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng không xét.

4. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét. Nếu sau này đương sự có yêu cầu thì làm đơn yêu cầu và được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh cao Ngọc H phải nộp án phí ly hôn là 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng).

Anh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000.đ theo phiếu thu số 0000992 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện phong Điền nên được khấu trừ là đủ, không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người vắng mặt thì kể từ ngày nhận được bản án./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND thị trấn Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Hồ Xuân Đàm**